

Thực trạng sử dụng vốn tự nhiên đất cho phát triển nông nghiệp (trường hợp huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt*, Nguyễn Thị Huyền Thu**

Nhận ngày 25 tháng 3 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Nghi Xuân là huyện đồng bằng ven biển tỉnh Hà Tĩnh, có vốn tài nguyên tự nhiên phong phú thích hợp cho việc phát triển nông nghiệp bền vững của huyện. Trong những năm gần đây, huyện đã có những thay đổi tích cực trong việc sử dụng, đầu tư cho nguồn vốn này như: sử dụng hợp lý hơn nguồn vốn đất, nước, thay đổi cây trồng phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng, đa dạng cây trồng... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc sử dụng các nguồn vốn còn những hạn chế, chủ yếu tập trung khai thác tiềm năng tài nguyên đất, nước chưa tương xứng với tiềm năng vốn tự nhiên. Vì vậy, cần có những giải pháp phát huy giá trị của vốn tự nhiên có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp bền vững của huyện.

Từ khóa: Vốn tự nhiên, biến đổi khí hậu, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Nghi Xuân is a district in the coastal plain of Hà Tĩnh province, with rich natural resources suitable for its sustainable agricultural development. In recent years, the district has made positive changes in the use of and investment in the type of capital such as: more rational use of land and water resources, changing crops to suit climatic and soil conditions, diversifying the crops... However, besides the achieved results, the use of the sources of capital still needs to be improved, as it has been focusing mainly on exploiting the potential of the land and water resources, which is not commensurate with the potential of the natural capital. Therefore, it is necessary to have solutions to promote the value of the natural capital, which is important for the sustainable agricultural development of the district.

Keywords: Natural capital, climate change, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Các nguồn vốn tự nhiên như đất đai, nước, sinh vật... là những đầu vào quan trọng cho phát triển nông nghiệp. Trong đó, tài nguyên thiên nhiên chính là nguồn vốn quan trọng của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ và địa phương. Tuy nhiên, cũng giống như các dạng vốn khác, vốn tự nhiên đất cũng có thể bị suy giảm và suy thoái do quá trình sản xuất và tiêu dùng (Fenichel E., Hashida Y., 2019).

Để giải quyết vấn đề này, đồng thời, tạo động lực phát triển bền vững và nâng cao chất lượng tăng trưởng và sự thịnh vượng quốc gia, cần có các giải pháp bảo tồn và sử dụng các nguồn vốn đất hiệu quả. Phát triển kinh tế bền vững thông qua việc thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn vốn đất đang là xu hướng phát triển mới, để giữ gìn và bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi năm 2020) đã bổ sung các nội dung về các công cụ kinh tế và nguồn lực cho bảo vệ môi trường. Trong đó, thúc đẩy việc khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên.

*,** Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyetnb@gmail.com

Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện năm 2021, Nghi Xuân có diện tích tự nhiên 220 km², với tổng diện tích đất nông nghiệp là 15.802,2 ha, chiếm 71,02% diện tích tự nhiên, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 8.227,0 ha. Nghi Xuân có đa dạng các loại cây trồng, trong đó lạc được coi là cây trồng chính, năng suất, sản lượng lạc luôn đứng đầu tỉnh Hà Tĩnh; trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, diện tích trồng lúa là 3.901,4 ha, chiếm 17,53% (Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, 2021, tr.456-458). Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện năm 2020 giảm so năm 2019 (chủ yếu là giảm diện tích lúa, còn tăng các loại cây lương thực có hạt). Ngành chăn nuôi trong những năm qua do dịch bệnh, gặp nhiều khó khăn như: dịch tả, chi phí nuôi tăng, thị trường đầu ra chưa ổn định..., nên trong năm 2021 số lượng trâu bò giảm, tăng sản lượng lợn hơi và gia cầm. Tổng diện tích nuôi trồng thủy hải sản đạt 812,7 ha, tăng 11,7 ha so với năm 2019. Diện tích nuôi tôm công nghiệp 81,2 ha, tăng 2,5 ha (Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân, 2021, tr.217-218).

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp ở Nghi Xuân đã có bước phát triển khá; đã hình thành các mô hình sản xuất theo hướng tập trung hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích, góp phần giảm nghèo nhanh, nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong phát triển nông nghiệp của huyện những năm qua, vẫn còn tồn tại những hạn chế trong sử dụng vốn tự nhiên đất cho phát triển nông nghiệp, như phát triển theo chiều rộng là chủ yếu, tập trung khai thác tiềm năng đất đai, đầu tư về khoa học công nghệ trong sản xuất và chế biến chưa tương xứng. Vì vậy, chất lượng sản phẩm làm ra chưa cao, chủ yếu là sản phẩm thô. Việc khai thác, sử dụng đất nông nghiệp đã và đang tồn tại không ít những hạn chế, bất cập làm giảm hiệu quả sử dụng đất, trong đó, nổi lên là vấn đề đất nông nghiệp bị thoái hóa, ô nhiễm; đất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún; và tình trạng bỏ ruộng. Hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho phát triển nông nghiệp chưa được phát huy hết. Bài viết này¹ góp phần vào định hướng chiến lược phát triển bền vững của huyện nói riêng và toàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung trong thời gian tới.

Nghiên cứu này đã sử dụng dữ liệu nghiên cứu từ dự thảo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030, dữ liệu thuộc Đề tài khoa học cấp Bộ “Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả” do Viện Địa lí nhân văn chủ trì; các số liệu thống kê, báo cáo có liên quan do địa phương cung cấp; sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp: các quan điểm, hệ thống lý thuyết liên quan đến phát huy vốn tự nhiên; các tài liệu, chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Nghi Xuân và các tài liệu có liên quan khác.

2. Cơ sở lý luận về vốn tự nhiên

2.1. Khái niệm cơ bản về vốn tự nhiên

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), vốn tự nhiên là các tài sản tự nhiên trong vai trò cung ứng đầu vào nguồn tài nguyên tự nhiên và các dịch vụ môi trường cho quá trình sản xuất kinh tế (OECD, 2007, tr.4-10). Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) cho rằng, vốn tự nhiên theo các thành phần cụ thể bao gồm: đất đai, nước, quần thể sinh vật sống... và các dịch vụ được tạo ra bởi quá trình tương tác giữa tất cả các yếu tố này trong các hệ sinh thái (Kim Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Văn Tài, 2015, tr.89-96).

Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), vốn tự nhiên là các tài sản của thiên nhiên được sử dụng để phục vụ sản xuất và tiêu dùng, bao gồm sinh vật và các cấu phần vật chất của tự nhiên, như đất, nước, khoáng sản và các nguyên liệu hóa thạch. Hàng hóa và dịch vụ được cung

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Bộ “Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả” do Viện Địa lí nhân văn chủ trì, TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt làm chủ nhiệm.

cấp từ nguồn vốn tự nhiên có giá trị quan trọng cho đời sống và sự phát triển của con người (lương thực, nước, không khí, các dịch vụ văn hóa, tinh thần và hỗ trợ điều tiết chu trình sinh địa hóa) (Kim Thị Ngọc Thúy, 2014, tr.53-56).

Nội hàm của khái niệm “vốn tự nhiên” bao gồm sinh vật (động vật và thực vật), các cấu phần vật chất của tự nhiên như: đất, nước, mà khi đem sử dụng mang lại giá trị gia tăng, đồng thời bảo toàn được giá trị của chính mình. Vốn tự nhiên bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên tạo ra dòng hàng hóa, dịch vụ sinh thái có giá trị cho tương lai. Dòng các dịch vụ hệ sinh thái tạo ra các luồng lợi nhuận như: thực phẩm, nước, các lợi ích tái tạo và văn hóa, sự thụ phấn, điều hòa khí hậu, điều hòa chất lượng không khí và kiểm soát dịch bệnh (bảng 1).

Bảng 1: Những hợp phần cấu thành của vốn tự nhiên

Đa dạng sinh học	Hàng hóa và dịch vụ Hệ sinh thái HST (ví dụ)	Giá trị kinh tế (ví dụ)
HST (loại hình và diện tích/ quy mô)	Giải trí Điều hòa nước Lưu giữ các bon	Tránh phát thải khí nhà kính (KNK) thông qua bảo tồn rừng: 3,7 nghìn tỷ USD
Các loài sinh vật (mức độ phong phú, đa dạng)	Thức ăn, sợi, nhiên liệu Cảm hứng thiết kế Thụ phấn	Các côn trùng giúp thụ phấn đóng góp cho sản lượng nông nghiệp: khoảng 190 tỷ USD/ năm
Nguồn gen (khả năng biến đổi và dân số)	Khám phá trong y học Kháng bệnh Khả năng thích nghi	25-50% thị trường dược phẩm Mỹ (trị giá 640 tỷ USD) được trích từ nguồn gen

Nguồn: Nguyễn Thế Chỉnh, 2019, tr.12-14.

2.2. Vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp luôn được coi là ngành sản xuất quan trọng, có tiềm năng lớn của nước ta. Trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp càng tỏ rõ vai trò rất quan trọng, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và an ninh lương thực, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Tài sản thiên nhiên như rừng, đất ngập nước và lưu vực sông là các thành phần thiết yếu của vốn tự nhiên ở mỗi cấp độ HST. Những thành tố này có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định của chu trình nước và lợi ích đối với nông nghiệp, chu kỳ các bon và vai trò trong giảm nhẹ khí hậu, độ màu mỡ của đất và giá trị đối với sản xuất cây trồng, điều tiết khí hậu địa phương cho môi trường sống an toàn.

Các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp từ nguồn vốn tự nhiên là trụ cột để đo đạc tăng trưởng kinh tế từ việc cung cấp đầu vào cho nông nghiệp, sản xuất và dịch vụ, tăng năng suất nông nghiệp và sự phụ thuộc vào dịch vụ cơ sở hạ tầng thông qua kiểm soát khí hậu.

Việc hài hòa giữa vốn tự nhiên, vốn con người, vật chất và xã hội sẽ góp phần tăng năng lực sản xuất. Theo Nghiên cứu của Quỹ Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên (WWF) “Đấu chân sinh thái và đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên ở châu Á và Thái Bình Dương” cho thấy: cứ 1 USD đầu tư vào các nỗ lực bảo tồn sẽ mang lại một giá trị kinh tế - xã hội của các hệ sinh thái trị giá trên 100 USD (WWF, 2012, tr.168-169). Do vậy, cần quản lý tốt hơn nguồn vốn tự nhiên để đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững. Quản lý bền vững nguồn thủy sản đánh bắt có thể tăng doanh thu cho kinh tế. Phục hồi và tăng cường các dịch vụ của rừng đầu nguồn có thể góp phần tăng năng suất nông nghiệp. Bảo tồn đa dạng sinh học có thể tạo ra doanh thu thông qua du lịch dựa vào thiên nhiên (Nguyễn Thế Chỉnh, 2019, tr.234-235).

3. Thực trạng vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp của huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

3.1. Tiềm năng vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp huyện Nghi Xuân

a) Vốn đất

Đất đai của huyện Nghi Xuân chủ yếu là đất cát và cát pha, một số diện tích là đất thịt nhẹ, không lún, không sạt lở thuộc phù sa sông Lam và đất cát biển phía bắc địa hình tương đối bằng phẳng. Ruộng sản xuất thường là ruộng lòng chảo, bạc màu và chua phèn.

Đất cho vốn đất nông nghiệp chiếm 71,02% tổng quỹ đất sử dụng của huyện. Trong những năm gần đây, diện tích vốn đất cho trồng cây hàng năm tăng lên chiếm 27,74%, trong khi đó vốn tự nhiên đất cho trồng lúa giảm đi, năm 2020 trong cơ cấu còn 17,53%, tăng diện tích vốn đất cho cây ngô và rau các loại (diện tích vốn đất cho cây ngô năm 2018 đạt 350 ha, năm 2020 tăng lên 563 ha; rau các loại, năm 2018 đạt 817 ha, đến năm 2020 tăng lên 1082 ha). Bên cạnh đó, vốn đất dành cho trồng một số loại cây lâu năm có tăng nhẹ, tập trung vào chuối, bưởi, cam, xoài (Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân, 2021, tr.217-218).

Theo đánh giá, đất đai của huyện thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây dài ngày. Tuy nhiên, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã làm gia tăng hoạt động hủy hoại đất đai, như xói mòn, rửa trôi, khô hạn, ngập úng, lũ quét và sạt lở, nhiều diện tích đất cho phát triển nông nghiệp bị bỏ hoang hoặc không sử dụng được.

b) Vốn rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng ở Nghi Xuân năm 2020 là 6.609,3 ha, trong đó: rừng sản xuất 1.923,5 ha (chiếm 8,64% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng), rừng phòng hộ 4.685,8 ha (chiếm 21,06% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng), rừng đặc dụng 847,3 ha (chiếm 3,81% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng). Năm 2020, diện tích rừng được chăm sóc đạt 93,1 ha, bằng 147,7%; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ đạt 2.522 ha, đạt 98,32% so với cùng kì năm 2019 (Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân, 2021, tr.217-218).

Rừng sản xuất gồm rừng tự nhiên và rừng trồng; rừng trồng sản xuất chủ yếu là keo các loại, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Đối với rừng phòng hộ, ngoài hai loại cây lâm nghiệp (thông và keo), còn có các loại cây bản địa có tính năng phòng hộ bền vững như: lim xanh, cồng trắng, rê hương, dổi xanh. Rừng phòng hộ có vai trò rất quan trọng trong bảo vệ môi trường và kiểm soát lũ lụt ở địa phương. Rừng đặc dụng tương đối đa dạng, với trên 86 họ và 500 loài cây gỗ. Trong đó, có nhiều loài gỗ quý như: lim xanh, sến, táu mật, đinh, gụ, pơmu... Ngoài ra, hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển huyện Nghi Xuân chủ yếu là đước và bần chua, có nhiều loại thực động vật thủy sinh có giá trị kinh tế cao và tập trung ở Cửa Hội.

Với tiềm năng vốn tự nhiên rừng, có thể khẳng định, rừng trên địa bàn tỉnh rất phong phú, đa dạng. Đây là nguồn tài nguyên sinh học vô giá cần được giữ gìn và phát triển phục vụ mục đích kinh tế (đặc biệt là phát triển công nghiệp chế biến gỗ), cũng như mục đích nghiên cứu khoa học (được liệu, công nghệ sinh học) và tham quan du lịch (đặc biệt là phát triển du lịch sinh thái).

c) Vốn nước

Huyện Nghi Xuân rất giàu có về tài nguyên nước nhờ hệ thống sông, suối, hồ đập. Hệ thống nguồn nước dồi dào của huyện bao gồm: sông, suối, hồ chứa tự nhiên và lượng nước mưa khá cao. Tuy nhiên, do phân bố không đồng đều giữa các mùa trong năm và giữa các vùng, khu vực, nên vẫn không đáp ứng hết các nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế - xã hội.

Theo kết quả điều tra khảo sát, trên địa bàn huyện có 02 công trình tưới phục vụ cho phát triển nông nghiệp, toàn huyện có 148,67 km kênh mương, trong đó có 124,05 km đã được kiên cố hóa và đạt chuẩn, các hệ thống kênh mương và hồ chứa đều được lấy nước từ sông Lam. Nguồn nước mặt ở Nghi Xuân khá phong phú nhờ hệ thống ao, hồ, sông ngòi dày đặc. Do có nhiều cửa sông, cửa lạch, nên đã tạo ra những bãi triều rộng lớn, tạo thuận lợi cho huyện phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ, cũng như nước ngọt.

d) Vốn tài nguyên biển

Huyện Nghi Xuân là một trong những huyện có tiềm năng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích quy hoạch cho nuôi tôm hiện nay là 845 ha (nuôi tôm công nghiệp ven sông 645 ha, nuôi tôm trên cát ven biển 200 ha), với sản lượng từ nuôi tôm thâm canh công nghệ cao đạt 824 tấn/ năm (Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân, 2021, tr.221-224).

Hiện tại, người dân đang dần chuyển sang phương thức đánh bắt thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị xuất khẩu lớn, từ đó, hình thành các tổ, đội nghề cá trên biển hỗ trợ phát triển kinh tế, ngư trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cũng như hình thành các mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển một cách bền vững. Tuy nhiên, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy hải sản ở huyện còn thủ công với nhiều lao động, chưa được đầu tư phát triển và mạnh mẽ.

3.2. Những hạn chế, bất cập trong khai thác sử dụng vốn tự nhiên đất trong phát triển nông nghiệp của huyện Nghi Xuân

a) Nguy cơ tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu

Thời gian qua, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã chịu tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) diễn ra với cường độ mạnh và nhanh, dẫn đến nhiều diện tích đất bị thoái hóa, hoang mạc hóa, làm mất đi từng phần hoặc toàn bộ tính năng sản xuất. Mặt khác, do nhận thức và hiểu biết về đất đai còn hạn chế, nên người dân đã lạm dụng và khai thác không hợp lý. Cùng với đó là sự suy giảm rừng, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm nguồn nước, hạn hán.

Theo Báo cáo Đánh giá khí hậu quốc gia, trong 54 năm (1961-2014), nhiệt độ không khí trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế tăng lên với tốc độ tăng tương đối đồng đều tại các trạm quan trắc, từ 0,1-0,2⁰C/ thập kỷ (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021, tr.113-114). Trong đó, nhiệt độ tại huyện Hương Khê có tốc độ tăng nhanh nhất. Về lượng mưa hàng năm, ở các trạm quan trắc không thể hiện một xu thế đồng nhất mà có sự xen kẽ giữa xu thế giảm và xu thế tăng. Trong khi lượng mưa hàng năm có xu thế giảm tại 2 trạm ven biển Hà Tĩnh và Kỳ Anh với tốc độ giảm tương ứng là 44,7 mm/ thập kỷ và 55,2 mm/ thập kỷ, xu thế tăng được quan sát thấy trạm Hương Khê với tốc độ xấp xỉ 26 mm/ thập kỷ. Như vậy, tốc độ tăng lượng mưa tại trạm Hương Khê nhỏ hơn so với tốc độ giảm lượng mưa của hai trạm còn lại. Tương tự, lượng bốc hơi trong năm ở khu vực tỉnh Hà Tĩnh có sự xen kẽ giữa xu thế giảm và tăng giữa các trạm. Trong đó, lượng bốc hơi trong năm có xu thế giảm tại các trạm Hương Khê và Kỳ Anh với tốc độ 32-47 mm/ thập kỷ và tăng tại trạm Hà Tĩnh với tốc độ 22 mm/ thập kỷ (UBND tỉnh Hà Tĩnh, 2021). Trong thời kỳ 1961-2014, độ ẩm tương đối trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế giảm nhẹ với tốc độ giảm từ 0,03-0,96%/ thập kỷ. Tốc độ giảm nhanh nhất ở trạm Hà Tĩnh và nhỏ nhất tại trạm Kỳ Anh (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, 2018, tr.47).

Trong Kịch bản BĐKH cho Việt Nam được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016, Kịch bản RCP 8.5 (nồng độ khí nhà kính đại diện - Representative Concentration Pathways, gọi tắt là RCP), tương đương kịch bản A1F1 - kịch bản phát thải cao - đối với tỉnh Hà Tĩnh nêu rằng, nhiệt độ trong giai đoạn 2016-2035 tăng trung bình 0,9 độ C (0,6÷1,3), giai đoạn 2046-2065 tăng khoảng 1,9 độ C (1,3÷2,8) và giai đoạn 2080-2099 là 3,5 độ C (2,8÷4,8). Bên cạnh đó là xu hướng tăng lượng mưa trung bình: giai đoạn 2016-2035 là 12,9% (6,8÷19,8); 2046-2065 là 14,1% (8,2÷19,6) và 2080-2099 là 14,78% (10,6÷24,4) (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, 2018). Mặt khác, theo các kịch bản, khi mực nước biển dâng 50 cm thì 0,86% diện tích tỉnh có nguy cơ ngập, nước biển dâng 80 cm là 1,39% và 2,12%, khi nước biển dâng 100 cm (Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2016, tr.311-319).

Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh cũng chịu tác động của BĐKH ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp) đến hầu hết các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội. Tác động của BĐKH dễ dàng nhận diện trên phạm vi rộng, cụ thể:

- Vốn đất: BĐKH gây nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp. Những khu vực thường bị ảnh hưởng, tác động của BĐKH là các xã ven biển. Theo người dân tại các địa bàn nghiên cứu ở xã Đan Trường

và Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bão gây ảnh hưởng khá nghiêm trọng đối với lúa và hoa màu của họ. Đối với cây lúa, tại địa bàn khảo sát, người dân gieo trồng hai vụ, nhưng năng suất hầu như không ổn định do phụ thuộc vào điều kiện khí hậu từng mùa, từng năm và đối với hoa màu cũng tương tự. Một cán bộ xã Xuân Giang cho biết: “Trong mấy năm gần đây, ngay trong năm 2019-2021, thời tiết diễn biến thất thường, nắng nóng kéo dài, hạn hán, xâm nhập mặn gây nhiều thiệt hại cho năng suất cây trồng: những hôm nắng nóng cây lúa mới cấy bị chết, nhiều hộ phải cấy lại. Ngoài ra, thời tiết nắng nóng cũng khiến dịch bệnh trên cây trồng phát triển nhiều hơn”. Thiên tai ảnh hưởng đến mùa vụ, nên nhiều hộ gia đình đã bỏ ruộng, bên cạnh đó nhiều diện tích đất khó canh tác được do đất bị nhiễm mặn,... Bên cạnh đó, để tăng năng suất cây trồng, người dân có sử dụng nhiều phân bón hóa học, thuốc kích thích tăng trưởng và tận dụng tối đa giá trị của nguồn vốn này, nên trong 5 năm trở lại đây, nhiều hộ gia đình cho biết, đất gia đình họ bị chai cứng, canh tác cho năng suất thấp hơn. Theo kết quả xử lý phiếu, 96% số người được hỏi cho rằng, 5 năm gần đây lượng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích tăng trưởng được sử dụng tăng lên.

Một nguyên nhân khác khiến vốn đất cho sản xuất nông nghiệp ngày một thu hẹp được người dân cho biết là do đất bị chuyển sang mục đích khác như đô thị hóa, đất bạc màu không còn khả năng canh tác...

- Vốn nước: Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, huyện đang đứng trước những thách thức lớn về tài nguyên nước. Chế độ mưa thay đổi gây lũ nghiêm trọng vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô; làm gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước tưới nông nghiệp. Biến đổi khí hậu cũng làm gia tăng về cường độ và tần suất các cơn bão, dông tố, gây lũ lớn và ngập lụt, lũ quét, trượt lở đất và xói mòn; làm gia tăng thiếu hụt nước.. Tình trạng xâm nhập mặn ăn sâu vào nội địa đang diễn ra ngày một nghiêm trọng. Tại một số xã của huyện, nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm mặn buộc người dân phải bỏ số tiền lớn mua nước sạch đóng thùng về để sử dụng; biến đổi về dòng chảy kéo theo sự gia tăng độ mặn trên sông Cửa Hội đang đặt ra những thách thức lớn về tài nguyên nước. Bên cạnh đó, nước thải cho sản xuất nông nghiệp của toàn huyện là ra sông Lam qua các cống, qua đê. Vấn đề ô nhiễm nước cục bộ do nước thải trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy hải sản trên cát đang là vấn đề đặt ra với huyện. Người dân xã Đan Trường cho biết: “Bây giờ nước bị nhiễm mặn hết rồi, nên chúng tôi trồng lúa năng suất thấp. Chúng tôi chuyển sang trồng cói, lạc và có mảnh đất không canh tác được”. Theo kết quả xử lý phiếu điều tra, nguồn nước cho sản xuất theo người dân cũng hạn chế hơn trong 5 năm gần đây, 64,5% số phiếu cho rằng, điều kiện nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp không được phù hợp, 32,3% số phiếu cho rằng bình thường.

Theo kết quả khảo sát thực tế tại huyện Nghi Xuân, người dân tại đây cho biết, trong những năm gần đây, nước sử dụng trong sinh hoạt, chăn nuôi, nước cho nuôi trồng thủy hải sản không được xử lý, thải trực tiếp ra sông qua các kênh mương. Trong số người được phỏng vấn (100 phiếu), 83,3% số phiếu nhận định nước thải đã xả trực tiếp ra môi trường và không được xử lý. Theo đánh giá của người dân sử dụng nước sản xuất nông nghiệp tại địa phương, nước tại các kênh mương, sông đã có dấu hiệu bẩn, nước có mùi lạ được người dân đánh giá nước ô nhiễm nhẹ (chiếm 71,4%). Nguyên nhân ở đây là do sử dụng nhiều hóa chất trong trồng trọt và nuôi thủy hải sản (85,7% số người được hỏi cho rằng phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất trong nuôi tôm được sử dụng và đây là nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước tại các kênh mương, sông).

- Tài nguyên biển: BĐKH gây nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm và phá hủy các hệ sinh thái ven bờ. Lượng mưa lớn và cường độ nhiều sẽ làm cho nồng độ muối giảm đi trong một thời gian, và điều này ảnh hưởng đến sinh vật nước lợ và ven bờ, đặc biệt là nhuyễn thể hai vỏ như: ngao, sò... Những khu vực thường bị ảnh hưởng, tác động bởi BĐKH gồm các xã vùng thấp của huyện.

- Vốn rừng: BĐKH có thể gây nguy cơ suy kiệt hoặc tuyệt chủng một số loài động vật và thực vật. Nhiệt độ và mức độ khô hạn gia tăng cũng làm tăng nguy cơ cháy rừng và phát triển mạnh các hiện tượng sâu bệnh, dịch bệnh.

b) Vấn đề về sử dụng vốn tự nhiên đất đai cho sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả

Theo kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ địa phương, theo thống kê giai đoạn 2011-2019, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế trên địa bàn huyện còn thấp. Tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu theo chiều rộng, năng suất lao động thấp và năng lực cạnh tranh còn yếu, tiềm năng và lợi thế chưa được khai thác hiệu quả. Việc sử dụng các nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước chưa hiệu quả. Chủ thể sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ nông dân với cách làm truyền thống, tích lũy về vốn thấp, trình độ hạn chế, nên việc tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, quy mô lớn, chất lượng và an toàn thực phẩm mức độ cao rất khó.

Hiện nay, quỹ đất nông nghiệp chiếm 71,02% tổng diện tích đất toàn huyện, tuy nhiên, đóng góp về năng suất lao động và tốc độ tăng trưởng cũng như tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp lại ở mức thấp nhất so với các ngành còn lại (Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân, 2021, tr.221-224).

Ruộng đất sản xuất tuy đã được chuyển đổi nhưng vẫn còn manh mún. Quá trình tích tụ ruộng đất diễn ra chậm chạp, gây khó khăn cho ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất, khó tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đồng đều..., nên đã cản trở chất lượng sản xuất phát triển. Sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chưa nhiều, năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và lợi nhuận sản xuất nông nghiệp thấp và còn nhiều rủi ro. Một số xã trong huyện đã bắt đầu có tình trạng nông dân bỏ ruộng.

c) Chưa chú trọng áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp

Quy mô các dự án đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp còn nhỏ. Các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học ứng dụng, thành công ở một số mô hình, sản phẩm, nhưng việc nhân ra diện rộng còn chậm, nhất là đối với sản xuất quy mô nhỏ lẻ của các hộ nông dân; trình độ công nghệ sản xuất nhiều sản phẩm ở huyện vẫn còn thấp và lạc hậu. Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ còn khó khăn, giá cả không ổn định. Theo kết quả xử lý phiếu, gần 90% người được hỏi có đất sản xuất nông nghiệp nhưng không áp dụng bất kỳ ứng dụng khoa học - công nghệ nào. Đa phần người dân được phỏng vấn đều sản xuất theo phương thức truyền thống hoặc bỏ hoang ruộng đất, sử dụng trồng cây hoa màu phục vụ cho gia đình.

Tốc độ phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản còn thấp. Giá trị sản lượng tính trên đơn vị diện tích nuôi trồng thủy sản của huyện thấp hơn so với tiềm năng. Đầu tư cho khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa tạo được vùng sản xuất chuyên canh có tính vượt trội về chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để tạo sự khác biệt, nên sản phẩm làm ra trong nhiều trường hợp khó tiêu thụ, giá bán bấp bênh. Nông sản vẫn chủ yếu được bảo quản tại nhà sau khi thu hoạch, dẫn đến hao hụt sản phẩm..

Ngoài ra, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản kém phát triển. Sản xuất nông, lâm, thủy sản thiếu liên kết với thị trường thông qua các kênh tiêu thụ ổn định và có tổ chức, cũng như không được hỗ trợ mạnh mẽ và hiệu quả từ các nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào và dịch vụ kỹ thuật. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp và thủy sản của huyện chịu tác động mạnh của thiên tai, khí hậu và thời tiết.

4. Một số giải pháp phát huy vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh

4.1. Giải pháp bảo tồn vốn tự nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp tưới tiết kiệm nước, phù hợp địa hình, điều kiện của từng vùng sản xuất; thực hiện các giải pháp hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; hiện đại hóa, phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp; bảo đảm 100% diện tích cây trồng chủ động đủ nguồn nước tưới, phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung và ứng dụng

manh mẽ hệ thống tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh theo vùng, miền.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tự nhiên đất đai, tài nguyên nước

Đề phù hợp với điều kiện khí hậu và tài nguyên đất, nước tại địa phương, huyện nên tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực. Trong đó, huyện giảm dần diện tích đất cho sản xuất lúa kém hiệu quả, đồng thời ưu tiên các sản phẩm có lợi thế và phù hợp với vùng sinh thái như: lạc, rau củ quả, cây dược liệu, lợn, bò, tôm, gắn với khai thác chế biến. Huyện phát triển nông nghiệp theo lợi thế so sánh của 4 vùng sinh thái như sau:

Vùng ven hạ lưu sông Cả (sông Lam), đất đai màu mỡ, có hệ thống thủy lợi phù hợp cho phát triển thành vùng chuyên rau, dưa hấu, lúa chất lượng cao ở 2 xã Xuân Lam và Xuân Hồng.

Vùng có địa hình khá bằng phẳng đất cát pha phù hợp với các loại cây hoa màu ngắn ngày như: lạc, khoai lang mật, rau củ quả và cây dược liệu tại các xã như: Xuân Giang, Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Yên, Xuân Thành...

Vùng ven chân núi Hồng Lĩnh thuộc các xã Xuân Lĩnh, Xuân Viên, Xuân Mỹ, Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián: với địa hình đặc trưng của vùng này có thể kết hợp phát triển lâm nghiệp, trồng cây dược liệu, đồng thời có thể phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Vùng ven sông, biển gồm các xã: Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội, Xuân Yên, Xuân Liên, với lợi thế nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản gắn với chế biến hải sản, nuôi tôm, đánh bắt xa bờ...

4.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng khoa học, kỹ thuật

Tập trung chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, trên cơ sở cơ cấu lại sản xuất từng ngành, lĩnh vực, địa phương, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vốn tự nhiên. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến; tăng cường giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, quy mô lớn tập trung. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu, đẩy mạnh công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến... Phấn đấu tất cả các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh đều áp dụng các công nghệ bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị và thu nhập cho người sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, khép kín chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi từ cung ứng giống, vật tư đầu vào khác, kỹ thuật nuôi đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh khai thác xa bờ, hiện đại hóa hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu dịch vụ hậu cần và trang thiết bị bảo quản trên tàu; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển - chế biến thủy sản, gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

Tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của tỉnh theo hướng ưu tiên đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao, gia tăng tỷ lệ chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm để hình thành sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm OCOP (mỗi xã/phường một sản phẩm) có thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc; chế biến thủy sản, nước mắm, ruốc thủy sản khô... Hỗ trợ phát triển một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp mới, nhất là các sản phẩm được chế biến từ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

5. Kết luận

Huyện Nghi Xuân có nhiều lợi thế về vốn tự nhiên như tài nguyên đất, nước, rừng, biển... phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng cũng tồn tại những hạn chế, như phát triển theo chiều rộng là chủ yếu, tập trung khai thác tiềm năng đất đai, phát triển nông nghiệp của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng vốn tự nhiên.

Những yếu tố ảnh hưởng đến vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp của huyện bao gồm: tác động của biến đổi khí hậu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn tự nhiên thấp, chưa chú trọng và áp dụng hiệu quả các tiến bộ, khoa học vào khai thác vốn tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và phát huy vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp huyện trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp bảo tồn vốn tự nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu, quy hoạch và sử dụng hiệu quả vốn tự nhiên đất đai, tài nguyên nước, tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học, kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Báo cáo đánh giá khí hậu quốc gia*, Nxb Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
2. Chi cục Thống kê huyện Nghi Xuân (2021), *Niên giám thống kê huyện Nghi Xuân*.
3. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2021), *Niên giám thông kê huyện Nghi Xuân*.
4. Nguyễn Thế Chinh (2019), *Báo cáo tổng hợp dự án điều tra, khảo sát hoàn thiện chính sách thúc đẩy phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên*, Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường.
5. Kim Thị Thúy Ngọc (2014), “Vai trò của vốn tự nhiên trong thực hiện các mục tiêu về Tăng trưởng xanh”, Tạp chí *Môi trường*, số 9.
6. Kim Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Văn Tài (2015), “Vai trò của vốn tự nhiên trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 6.
7. Nguyễn Thị Bích Nguyệt và cộng sự (2020), *Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả*, Báo cáo tổng kết Đề tài khoa học.
8. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Hà Tĩnh 30 năm (1991-2020)*, Dự thảo báo cáo.
9. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (2018), *Điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Báo cáo thuyết minh.
10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020*, Báo cáo tổng hợp.
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2021), *Dự thảo quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Báo cáo tổng hợp.
12. Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân (2021), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021*, Báo cáo tổng hợp.
13. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (2016), *Các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nxb Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
14. Fenichel E., Hashida Y. (2019), “Choices and the value of natural capital”, *Oxford Review of Economic Policy* 35(1), tr.120-137.
15. OECD (2007), *Natural capital Definition - OECD Glossary of Statistical Terms*, Full report.
16. WWF (2012), *Natural Capital Tools Guide for Companies*, Full report.